

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 02 - 2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 2 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLPT-DS ngày 07/10/2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2023/QĐXX-PT ngày 05/01/2023.

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số 611/611O Điện Biên P, phường 1, quận 3, Thành phố Hồ Chí M.

2. Bị đơn: Anh Trần Nam T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Số nhà 02/43/213 đường Mạc Thị B, phường Quang T, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Số nhà 31 đường Bế Văn Đ, phường Thống N, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Số nhà 27 đường Nguyễn Đức T, phường Thống N, thành phố ND, tỉnh ND.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh T và bà Trần Thị T1 là: Anh Trần Nam T (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2023).

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh C là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh C, anh T, bà T, bà T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh C trình bày:

Cô ruột anh là bà Nguyễn Thị M (tên gọi ở nhà là Đào) và ông Trần Doãn L kết hôn năm 1999. Ngày 31-7-2017 bà M chết, ngày 08-12-2019 ông L chết, bố mẹ của bà M là cụ Nguyễn Bá T và cụ Lê Thị C đều đã chết từ lâu. Bà M không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào khác, trước khi kết hôn với ông L bà M chưa kết hôn với ai. Bà M và ông L không có con chung, ông L có ba người con riêng là chị Trần Thị Thanh T, chị Trần Thị T1 và anh Trần Nam T.

Bà M và ông L khi còn sống tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 68, diện tích 124,3m², tại địa chỉ tổ 11 (nay là tổ 7) Liên Hà 1, phường Lộc H, thành phố ND, công trình trên đất có căn nhà bê tông 1 tầng. Ngày 04-7-2017 bà M đã lập bản di chúc chia thừa kế cho anh Nguyễn Mạnh C 1/2 căn nhà và 62,15 m² đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà M trong khối tài sản chung với ông L. Anh Nguyễn Mạnh C đề nghị anh Trần Nam T là người đang quản lý toàn bộ nhà đất chia nhà đất cho anh theo bản di chúc của bà M nhưng anh T không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Trần Nam T, anh C không đồng ý vì anh cho rằng ông Trần Doãn L đã tham gia biên bản hòa giải ngày 02-8-2017 công nhận bản di chúc của bà M là hợp pháp, ông L không yêu cầu chia di sản của bà M, vì vậy các con ông L không được hưởng di sản theo Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015. Quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ áp dụng đối với con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng và con đã thành niên mà không có khả năng lao động.

* Tại bản tự khai, đơn phản tố và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Nam T trình bày:

Bố đẻ của anh là ông Trần Doãn L kết hôn với bà Nguyễn Thị M sau khi đã ly hôn với mẹ anh là bà Trần Thị Cư ngày 13-6-1998, bố đẻ của ông L là cụ Trần Doãn K đã chết năm 1946, mẹ là cụ Trần Thị H chết năm 1947. Ông L không có cha mẹ nuôi, con nuôi nào khác. Quá trình chung sống ông L và bà M không có

con chung. Bà M chết năm 2017, ông L chết năm 2019. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L hiện nay chỉ có anh là Trần Nam T, chị gái Trần Thị Thanh T và chị gái Trần Thị T1.

Quá trình chung sống ông L và bà M có khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 68, diện tích 124,3m², tài sản trên thửa đất có căn nhà bê tông một tầng diện tích khoảng 62m² tại địa chỉ tổ 11 (nay là tổ 7) Liên Hà 1, phường Lộc H, thành phố ND. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Doãn L và bà Nguyễn Thị M. Năm 2011 ông L đã lập di chúc chia thừa kế cho anh 1/2 giá trị nhà và đất của ông L trong khối tài sản chung với bà M. Thửa đất và căn nhà trên đất sau khi ông L và bà M chết anh đã khóa cửa không sử dụng, giấy tờ nhà đất hiện nay anh đang quản lý, anh không yêu cầu các thừa kế khác phải thanh toán tiền công sức duy trì, bảo quản tài sản. Khi còn sống ông L và bà M không có nghĩa vụ phải trả nợ ai.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh C, anh không nhất trí vì anh cho rằng bản di chúc bà Nguyễn Thị M lập ngày 04-7-2017 là không hợp pháp vì: Thời điểm bà Nguyễn Thị M lập di chúc là hồi 10h ngày 04-7-2017 bà Nguyễn Thị M đang điều trị bệnh tại Khoa ung bướu - Bệnh viện đa khoa tỉnh ND nhưng Ủy ban nhân dân phường Lộc H lại chứng thực bản di chúc của bà M lập vào ngày 05-7-2017 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc H, thành phố ND. Anh cho rằng ông Trần Hoài Nghĩa (Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lộc H là người đã chứng thực vào bản di chúc) đã vi phạm pháp luật khi chứng thực bản di chúc của một người đang điều trị trong bệnh viện tại thời điểm lập di chúc. Thời điểm bà M lập di chúc thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M và ông L anh đang quản lý (từ năm 2016) vì vậy Ủy ban nhân dân phường Lộc H chứng thực bản di chúc của bà M là không hợp pháp. Anh không nhất trí phân chia di sản của bà M theo di chúc cho anh Nguyễn Mạnh C.

Ngày 06-5-2022 anh có đơn phản tố đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị M chỉ có hiệu lực một phần. Hàng thừa kế thứ nhất của bà M chỉ có ông Trần Doãn L là người thừa kế duy nhất, ông L đã chết vì vậy anh và bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị T1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L được chia hai phần ba số di sản của bà Nguyễn Thị M gồm: một nửa diện tích đất ở 62,5 m², ông L được hưởng thừa kế của vợ bằng 62,5 m² x 2/3 = 41,43 m² đất và được chia 2/3 của một nửa giá trị tài sản trên đất theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

Đối với phần tài sản các bà Trần Thị Thanh T và Trần Thị T1 được hưởng, bà T và bà T1 có nguyện vọng tặng cho anh, anh nhất trí nhận phần giá trị tài sản của bà T, bà T1 tặng cho.

Đối với phần di sản của ông Trần Doãn L đã lập di chúc chia cho anh 1/2 giá trị nhà đất trong khối tài sản chung với bà M (Đào) quan điểm của anh không yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của ông L, anh đề nghị Tòa án giao cho anh quản lý di sản của ông L.

* Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh T và bà Trần Thị T1 trình bày về nội dung sự việc giống như anh Trần Nam T đã trình bày. Nếu được chia thừa kế di sản của ông L, hai bà đều có nguyện vọng tặng cho phần tài sản được hưởng cho anh Trần Nam T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS – ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND quyết định.

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 116, Điều 119, Điều 357, Điều 457, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 624, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 636, Điều 643, Điều 644 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh C, xác định bản di chúc do bà Nguyễn Thị M (Đào) lập ngày 04-7-2017, chứng thực ngày 05-7-2017 có hiệu lực một phần.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Nam T về việc yêu cầu Tòa án xác định ông Trần Doãn L là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc của bà Nguyễn Thị M (Đào).

3. Chấp nhận yêu cầu tặng cho tài sản của bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị T1 đối với anh Trần Nam T.

- Giao cho anh Trần Nam T sở hữu 1/2 thửa đất số 29, tờ bản đồ số 68, diện tích 62,15 m² tại địa chỉ tổ 11 (nay là tổ 7), Liên Hà I, phường Lộc H, thành phố ND, tỉnh ND, được giới hạn bởi các điểm A,3,4,B (có sơ đồ kèm theo).

Buộc anh Trần Nam T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch phần di sản của bà M (Đào) cho anh Nguyễn Mạnh C số tiền 283.779.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

- Giao cho anh Trần Nam T quản lý di sản của ông Trần Doãn L là 1/2 thửa đất số 29, tờ bản đồ số 68, diện tích 62,15 m², tại địa chỉ tổ 11 (nay là tổ 7), Liên Hà I, phường Lộc H, thành phố NĐ, tỉnh NĐ được giới hạn bởi các điểm 1,2,A,B,5,6 (có sơ đồ kèm theo). Khi nào có yêu cầu nhận thừa kế thì giải quyết theo thủ tục do pháp luật quy định.

Anh Trần Nam T được sở hữu các tài sản gắn liền với phần diện tích đất được giao.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự được chia quyền sử dụng đất có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

5. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Chi phí xem xét thẩm định và chi phí định giá tài sản:

Anh Nguyễn Mạnh C có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Trần Nam T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 14.188.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Mạnh C đã nộp tại biên lai số 0005162, ngày 22-02-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ, anh Nguyễn Mạnh C còn phải nộp 13.888.000 đồng (mười ba triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Nam T phải nộp 26.712.000 đồng, đối trừ số tiền 8.300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp tại biên lai số 0005284, ngày 20-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ, anh Trần Nam T còn phải nộp 18.412.000 đồng (mười tám triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngày 26/8/2022 anh Nguyễn Mạnh C kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh C cho rằng Biên bản thỏa thuận ngày 02/8/2017 là chứng cứ có giá trị pháp lý thể hiện ông L là người tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế. Vì vậy đề nghị Tòa án

cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu phản tố của anh Trần Nam T, buộc anh T phải trả lại ½ căn nhà và đất cho anh.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên. Anh C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS – ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu chia thừa kế, hàng thừa kế, di sản thừa kế, về bản di chúc của bà Nguyễn Thị M (Đào): Bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ và đúng pháp luật, các đương sự cũng không có ý kiến gì về vấn đề này.

[2.2] Về hiệu lực của di chúc: Tại thời điểm bà M (Đào) lập di chúc và thời điểm bà M chết, ông Trần Doãn L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là duy nhất của bà M, bà M lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của mình cho anh C mà không chia cho ông L. Vì vậy căn cứ Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015, ông L là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên di chúc do bà Nguyễn Thị M lập ngày 04-7-2017 chỉ có hiệu lực một phần.

[2.3] Về yêu cầu phản tố của anh Trần Nam T:

Căn cứ nhận định nêu trên thì di chúc của bà Nguyễn Thị M lập ngày 04-7-2017 chỉ có hiệu lực một phần, ông L là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc và được hưởng 2/3 di sản của bà M để lại. Vì vậy yêu cầu phản tố của anh T đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của bà M chỉ có hiệu lực một phần và chia cho ông L được hưởng 2/3 di sản của bà M để lại là có căn cứ chấp nhận. Năm 2019 ông L chết, bố mẹ đẻ của ông L là cụ Trần Doãn K và cụ Trần Thị H

đều chết trước ông L, ông L không có cha mẹ nuôi, con nuôi nào khác. Ông L có ba người con riêng là bà T, bà T1 và anh T. Phần di sản ông L được hưởng của bà M sẽ được chia cho anh T, bà T, bà T1. Do bà T, bà T1 tặng cho phần tài sản của mình được hưởng cho anh T nên anh T được hưởng toàn bộ phần di sản của ông L để lại.

[2.4] Anh C kháng cáo không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T vì anh cho rằng ông L đã tham gia biên bản hòa giải ngày 02-8-2017 công nhận bản di chúc của bà M là hợp pháp, ông L không yêu cầu chia di sản của bà M, vì vậy ông L không được hưởng di sản theo Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 02-8-2017 gồm có ông Trần Doãn L, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Bá Đình (anh trai bà M) và bà Trần Thị Huệ là tổ trưởng tổ dân phố. Nội dung biên bản hòa giải thể hiện ông L “*nhất trí cao với bản di chúc của bà M để lại*”, tuy nhiên Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác. Ý kiến của ông L trong biên bản hòa giải không thể hiện việc ông L từ chối nhận di sản thừa kế của bà M. Vì vậy kháng cáo của anh C cho rằng ông L từ chối nhận di sản của bà M là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005470 ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND;
- TAND TP ND;
- Chi cục THADS TP ND;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng